

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
THƯ VIỆN



THƯ MỤC SÁCH MỚI

SỐ 01

VĂN HÓA DÂN GIAN VIỆT NAM

(NH 2012-2013)

Đà Nẵng, tháng 09 năm 2012

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu của tập thể sinh viên, giảng viên, cán bộ công nhân viên trong toàn trường, Thư viện Trường ĐH Duy Tân đã không ngừng đổi mới để nâng cao chất lượng phục vụ.

Để tập thể sinh viên, giảng viên, cán bộ công nhân viên trong toàn Trường có thể tiếp cận với những thông tin mới, những tài liệu mới về Thư Viện để phục vụ cho nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu. Thư viện Trường ĐH Duy Tân cung cấp đến bạn đọc **Thư mục thông báo sách mới**.

Thư mục sẽ cung cấp cho bạn đọc phong tục, tập quán, nghi lễ, văn hóa dân gian của Việt Nam. Qua đó, Thư mục sẽ cung cấp đến bạn đọc những chi tiết có liên quan đến tài liệu như: tác giả, nơi xuất bản, nhà xuất bản, số trang... và phần tóm tắt nội dung của tài liệu. Thông qua chi tiết trên bạn đọc có thể lựa chọn được những tài liệu phù hợp với chuyên môn và lĩnh vực mà mình nghiên cứu.

Mọi yêu cầu về tài liệu, về bản sao toàn văn tài liệu gốc, và những ý kiến đóng góp xin vui lòng liên hệ:

Thư Viện ĐH Duy Tân

182 Nguyễn Văn Linh – Tp. Đà Nẵng

ĐT: (0511) 3650403 – 105

7/25 Quang Trung – Tp. Đà Nẵng

ĐT: (0511) 3827111 – 601

Email: Library@dtu.edu.vn

<http://www.dtu.edu.vn:8088/elib>

Xin trân trọng cảm ơn!

Thư viện

MỤC LỤC

	Trang
1. Văn hóa Xã hội.....	4
2. Phong tục – Nghi lễ.....	5
3. Văn hóa dân gian	6
4. Văn hóa – Lịch sử - Địa lý – Con người	8
5. Văn học Dân gian.....	11
6. Câu đố - Vè và trò chơi hò vè.....	19
7. Tục ngữ	22
8. Âm thực.....	23
9. Công nghệ Đồ gốm và làng nghề	24
10. Âm nhạc	25
11. Lịch sử - Địa lý	26

VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Chân dung con người qua cái nhìn Việt Nam/ Ngô Văn Ban .- H.: Thanh niên, 2011 .- 516 tr; 21 cm.

Trình bày triết lý về nhân sinh và xã hội qua đó thấy được sự phong phú, sâu sắc không những trong lời ăn tiếng nói mà còn thấy được trí tuệ và tâm hồn tuyệt vời của con người Việt Nam.

KHPL: 294.3

2. Hôn nhân và gia đình các dân tộc thiểu số ở Việt Nam/ Hội văn nghệ dân gian Việt Nam .- H.: Văn hóa dân tộc, 2012 .- 874 tr; 21 cm

Giới thiệu về hôn nhân và gia đình của người khmer Nam Bộ; Chơ – ro; Người nùng; Khor Mú.

KHPL: 306.809

3. 597Luật tục trong xã hội Chăm/ Sử Văn Ngọc, Sử Thị Gia Trang.- H.: Thanh niên, 2012 .- 280 tr; 21 cm

Chương 1: Các tội và việc xét xử; Chương 2: Quan hệ với thủ lĩnh; Chương 3: Về quan hệ cộng đồng; Chương 4: Phong tục tập quán; Chương 5: Hôn nhân và quan hệ nam nữ; Chương 6: Quan hệ gia đình; Chương 7: Kế thừa sở hữu; Chương 8: Về việc xâm hại thân thể người khác.

KHPL: 305.899 597

4. Làng xã tỉnh Bắc Ninh: Tập 2/ Nguyễn Quang Khải .- H.: Thanh niên, 2011 .- 566 tr; 21 cm.

Thông tin về dân số, diện tích, nghề nghiệp, đặc điểm cư trú, các dòng họ, tên thành hoàng được thờ, tên chùa, số lượng đền miếu, hội làng, các vị khoa bảng...

KHPL: 307.72 597 27

PHONG TỤC - NGHI LỄ - NGHI THỨC

5. Dệt sứ - dệt lam thời xưa của dân tộc Thái đen Sơn La/ Cẩm Hùng .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2011 .- 367 tr; 21 cm.

Gồm 3 phần: Phần 1: Dệt sứ - Dệt lam; Phần 2: Phần tiếng việt; Phần 3: Phần phiên âm tiếng Thái.

KHPL: 392.5 597 18

6. Các bài kinh về tục tang ma người Chăm Ahiêr/ Sử Văn Ngọc, Sử Thị Gia Trang .- H.: Thanh niên, 2012 .- 259 tr.; 21 cm.

Khái quát đặc điểm cư trú, văn hóa xã hội Chăm; Giới thiệu và tóm tắt nội dung các bài kinh về tục tang ma.

KHPL: 393.597

7. Tang lễ cổ truyền các dân tộc thiểu số ở Việt Nam/ Y Tuyn Bing, Lê Mai Oanh, Lương Thị Đại.- H.: Văn hóa dân tộc, 2012.- 631 tr; 21 cm.

Tang lễ của người M'Nông RLăm ở Uôn Dlei, thị trấn Liên Sơn, huyện Lak, tỉnh DakLak, nghi lễ tang ma cổ truyền người Cao Lan, tang lễ của người Thái Trắng.

KHPL: 393.597

8. Tang ma dân tộc Cao Lan ở Yên Bái/ Nguyễn Mạnh Hùng .- H.: Thời đại, 2011 .- 165 tr; 21 cm.

Giới thiệu về người Cao Lan ở Yên Bái; Tang lễ của người Cao Lan; Các hình thức nghệ thuật dân gian trong tang lễ của người Cao Lan ở Yên Bái.

KHPL: 393.597 157

9. Nghi lễ - Lễ hội của người Chăm và người Êđê/ Ngô Văn Doanh, Trương Bi.- H.: Văn hóa dân tộc, 2012.- 891 tr; 21 cm.

Giới thiệu lễ hội chuyển mùa RiJa NuGar của người Chăm, một số nghi lễ - lễ hội của người Êđê cũng như giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong nghi lễ- lễ hội của người Êđê .

KHPL: 394.597

10. Luật tục Êđê (Tập quán Pháp)/ Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Tuấn .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 455 tr.; 21 cm.

Chương I: Các quy định mở đầu; Chương II: Về các tội xúc phạm đến người đầu làng; Chương III: Về các tội của người trưởng buôn; Chương IV: Các vi phạm lợi ích cộng đồng; Chương V: Về hôn nhân; Chương VI: Về quan hệ cha mẹ - con cái; Chương VII: Về tội gian dâm...

KHPL: 394.597

11. Văn hóa ẩm thực người Sán Dìu/ Diệp Trung Bình .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 218 tr.; 21 cm.

Khái quát về người Sán Dìu, văn hóa ẩm thực người Sán Dìu, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa ẩm thực người Sán Dìu

KHPL: 394.597

12. Văn hóa ẩm thực người Sán Dìu/ Diệp Trung Bình .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 218 tr.; 21 cm.

Khái quát về người Sán Dìu, văn hóa ẩm thực người Sán Dìu, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa ẩm thực người Sán Dìu

KHPL: 394.597

13. Xên phần bẻ cúng chém dê/ Lương Thị Đại .- H.: Lao động, 2012 .- 981 tr.; 21 cm.

Phản ánh những đặc trưng tôn giáo tín ngưỡng và nhân sinh quan, vũ trụ quan của dân tộc Thái trong việc xua đuổi tà ma.

KHPL: 394.597

14. Lễ tục của người Dao ở Vĩnh Phúc và Lào Cai/ Xuân Mai, Phạm Công Hoan.- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012.- 249 tr; 21 cm.

Trình bày các lễ tục của dân tộc Dao ở Vĩnh Phúc và nghi lễ của người Dao Hộ tỉnh Lào Cai
KHPL: 394.597 23

15. Phong tục một số dân tộc ở Việt Nam/ Phan Văn Hoàng, Phạm Thị Trung, Vàng Thung Chúng.- H.: Văn hóa dân tộc, 2012.- 577 tr; 21 cm.

Tổng quan về người Xơ Teng ở làng Măng Rương, nghi lễ vòng đời của người Xơ Teng, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của người Xơ Teng qua lễ nghi vòng đời người.

KHPL: 395.2 597 61

16. Hội làng quê đi từ đất tổ/ Nguyễn Khắc Xương .- H.: Lao động, 2012 .- 640 tr.; 21 cm.

Chương I: Về hội Đền Hùng - về với cội nguồn dân tộc; Chương II: Văn hóa Văn Lang và hội làng quê; Chương III: Quê ta mở hội tung bưng; Chương IV: Lễ hội và văn hóa âm thực tìm về cội nguồn; Chương V: Diễn xướng - trò diễn; Chương VI: Hội làng - các trò diễn trình nghề...

KHPL: 394.25 597 21

17. Lễ hội cổ truyền ở Hưng Yên: Sự biến đổi hiện nay/ Hoàng Mạnh Thắng .- H.: Lao động, 2012 .- 377 tr.; 21 cm.

Tổng quan về Hưng Yên và việc nghiên cứu lễ hội ở Hưng Yên, những lễ hội cổ truyền ở Hưng Yên, sự biến đổi của lễ hội cổ truyền ở Hưng Yên hiện nay.

KHPL: 394.25 597 33

18. Một số lễ hội điển hình ở Ninh Bình/ Đỗ Danh Gia .- H.: Lao động, 2011 .- 354 tr; 21 cm.

Chương 1: Miền quê Ninh Bình và sự hình thành phát triển lễ hội; Chương 2: Một số lễ hội điển hình.

KHPL: 394.269 597 39

VĂN HÓA DÂN GIAN

19. Cổ Lầu và Sli Nùng Phán Slinh Lạng Sơn/ Hoàng San, Mã Thế Vinh .- H.: Lao động, 2012 .- 308 tr.; 21 cm.

Đôi nét về cổ lầu và sli Nùng Phán Slinh Lạng Sơn.

KHPK: 398.597

20. Tín ngưỡng trong sinh hoạt văn hóa dân gian/ Ngô Đức Thịnh.- H.: Thời đại, 2012.- 591 tr; 21 cm.

Phát họa một số hình thức tín ngưỡng dân gian (thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng nghề nghiệp, tín ngưỡng nông nghiệp, thờ thần tài, thờ Cá Voi...

KHPL: 398.

21. 597Tôi gặp các ơi/ Nguyễn Tấn Đắc .- H.: Văn hóa dân tộc, 2012 .-271 tr; 21 cm
Phần 1: Người jrai; Phần 2: Tôi gặp các ơi. Những ghi chép và hình ảnh điền dã của Nguyễn Tấn Đắc; Phần 3: Nguyễn Tấn Đắc hỏi những người Tây Nguyên khác về các Ơi; Phần 4: Đầu năm 2008, Nguyễn Tấn Đắc hai lần thăm lại các Ơi; Phần 5: Mấy lời cuốn sách.
KHPL: 398.597

22. Xường trai gái dân tộc Mường/ Bùi Chí Hăng .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 203 tr.; 21 cm.

Giới thiệu về làn điệu " Xường trai gái" của dân tộc Mường.

KHPL: 398.597

23. Pứt Tày Bắc Cạn/ Triệu Sinh, Hoàng Tuấn Dur .- H.: Thời Đại, 2012 .- 419 tr.; 21 cm.

Giới thiệu một loại sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của người Tày (gọi là Pứt)

KHPL: 398.597 11

24. Văn hóa dân gian làng Bản Nặng/ Hoàng Tuấn Cư, Hoàng Biểu .- H.: Lao động, 2011 .- 414 tr; 21 cm.

Giới thiệu về lịch sử, vị trí địa lý,văn hóa vật chất, văn hóa tinh thần, tri thức dân gian Bản Nặng.

KHPL: 398.597 11

25. Văn hóa dân gian người Tày - Nùng Cao Bằng/ Triệu Thị Mai.- H.: Lao động, 2012.- 772 tr; 21 cm.

Gồm hát Pây Sử Nùng, Heo Phươn dân ca của người Nùng An.

KHPL: 398.597 12

26. Văn hóa dân gian người Sán Chí ở tỉnh Thái Nguyên/ Trần Văn Ái .- H.: Văn hóa dân tộc, 2011 .- 215 tr; 21 cm.

Chương 1: Môi trường sinh thái tự nhiên và lịch sử tộc người Sán Chí ở tỉnh Thái Nguyên; Chương 2: Tín ngưỡng và lễ hội dân gian; Chương 3: Tri thức dân gian; Chương 4: Văn học nghệ thuật dân gian.

KHPL: 398.597 14

27. Cồng chiêng Mường/ Kiều Trung Sơn .- H.: Lao động, 2011 .- 330 tr; 21 cm.

Giới thiệu về giới thuyết và tình hình nghiên cứu cồng chiêng Mường; Người Mường, văn hóa Mường và văn hóa cồng chiêng Mường; Nghệ thuật cồng chiêng Mường; Bài bản cồng chiêng Mường; Nhận thức.

KHPL: 398.597 19

28. Lễ hội Đình Khêng/ Bùi Hy Vọng .- H.: Thời đại, 2011 .- 247 tr; 21 cm.

Giới thiệu đôi nét về vị trí địa lý, lịch sử, tín ngưỡng, phong tục cổ truyền ở Mường Khêng.

KHPL: 398.597 19

29. Địa chí văn hóa dân gian Cẩm Khê .- H.: Văn hóa - Thông tin, 20121 .- 181 tr.; 21 cm.

Đại cương về thiên nhiên và con người Cẩm Khê, văn hóa dân gian Cẩm Khê: Tục ngữ, ca dao, dân ca, vè, truyện kể về giai thoại Cẩm Khê - Phú Thọ, phong tục, lễ hội, nghệ thuật tạo hình và một số nghề truyền thống.

KHPL: 398.597 21

30. Lễ hội Bắc Giang/ Ngô Văn Trụ, Nguyễn Thu Minh, Trần Văn Lạng .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 823 tr.; 21 cm.

Tổng quát về lễ hội tỉnh Bắc Giang: lễ hội trong đời sống cộng đồng, quy trình tổ chức lễ hội; Những lễ hội cụ thể ở 10 huyện, thành phố Bắc Giang.

KHPL: 398.597 25

31. Văn hóa dân gian làng nghề kiêu ky/ Nguyễn Quang Lê.- H.: Văn hóa - thông tin, 2011 .- 167 tr; 21 cm

Phần thứ nhất: Sự hình thành và phát triển của làng Kiêu Ky qua các thời kỳ lịch sử; Phần 2: Văn hóa xã hội.

KHPL: 398.597 27

32. Sự tích thành hoàng làng ở Phú Xuyên, Hà Nội/ Hội văn nghệ dân gian Việt Nam.- H.: Lao động, 2011 .- 364 tr; 21 cm

Phần 1: Sự tích thành hoàng làng ở Phú Xuyên; Phần 2: Danh mục thần thích theo địa danh.

KHPL: 398.597 31

33. Phong tục - Tín ngưỡng dân gian làng biển Đông Tác/ Lê Thế Vịnh, Nguyễn Hoài Sơn .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2011 .- 263 tr.; 21 cm.

Giới thiệu về đất và người Đông Tác, phong tục trong văn hóa tín ngưỡng dân gian ở làng biển Đông Tác, một số hình ảnh về đất và người ở làng biển Đông Tác.

KHPL: 398.597 55

34. AKhật Jucar Raglai/ Nguyễn Thế Sang.- H.: Văn hóa dân tộc, 2012.- 637 tr; 21 cm.

Quá trình đi tìm và nhận dạng AKhật Jucar Raglai.

KHPL: 398 597 58

35. Nhóm lễ - hội rija của người Chăm tỉnh Ninh Thuận/ Hải Lên .- H.: Văn hóa dân tộc, 2012 .- 344 tr; 21 cm

Chương 1: Khái quát; Chương 2: Nhóm lễ - hội rija

KHPL: 398.597 58

VĂN HÓA DÂN GIAN VỀ LỊCH SỬ, ĐỊA LÝ, CON NGƯỜI

36. Diện mạo văn hóa tín ngưỡng và lễ hội dân gian Trà Vinh/ Trần Dũng, Đặng Tấn Đức .- H.: Văn hóa – thông tin, 2012.- 458tr; 21 cm

Giới thiệu văn hóa dân gian làn ven biển Mỹ Long; Lễ hội cúng biển Mỹ Long; Tổ chức lễ hội chùa miếu và lai lịch các thần.

KHPL: 398.09 597

37. Mo lên trời: Bài ca đưa hồn người chết đến cõi vĩnh hằng/ Hoàng Anh Nhân .- H.: Thanh niên, 2012 .- 651 tr; 21 cm

Bài mo nhằm đưa hồn người chết đến cõi vĩnh hằng. Nhưng muốn thực hiện được điều đó hồn người chết phải được sự dẫn dắt của ông mo lên mừng trời, vượt qua được những cuộc thi, cuộc hạch của các thần trên mừng trời để cuối cùng đến được dinh vua trời, xin vua Trời cho phép hồn lìa khỏi xác và xin được lang bụt chấp cho đôi cánh để bay về mừng ma, nơi có ma ông ma tổ, tức cùng xum họp với tổ tiên đó chính là cõi vĩnh hằng.

KHPL: 398.09 597

38. Mo mừng: Tập 2/ Bùi Văn Nội.- H.: Văn hóa dân tộc, 2012 .- 935tr; 21 cm

Giới thiệu mo mừng; Kết cấu nếp mo ông Bùi Văn Đù ở một đám tang nhà lang cun; Việc sưu tầm, dịch thuật Va nghiên cứu Mo Mừng.

KHPL: 398.09 597

39 Sử thi thần thoại M'ông: Tập 1/ Đỗ Hồng Kỳ, Điều Kâu.-H.: Văn hóa dân tộc, 2012 .- 855 tr; 21 cm

Cuốn sách giới thiệu về sử thi thần thoại M'ông.

KHPL: 398.09 597

40. Tang lễ cổ truyền của người Mường: Quyển 3/ Bùi Huy Vọng.- H.: Lao động, 2011 .- 428 tr; 21 cm

Trình bà theo trình tự phần đầu ghi chép sưu tầm các nghi lễ, phần sau ghi lại các lời Mo, lời khấn tương ứng với các nghi lễ đó. Ghi chép lại các công việc, các nghi lễ diễn ra trong tang lễ và các công việc cuối cùng sau tang lễ như: mai táng, làm nhà mồ và nghi lễ Đù đem - hết tang.

KHPL: 393.09 597

41. Tâm tình người yêu : Tản chú - Xiết xương / Lò Ngọc Duyên .- H. : Văn hoá thông tin, 2011. – 455 tr ; 19cm

Giới thiệu các bài dân ca tình yêu tác giả đã sưu tầm từ những bản chữ Thái chép tay của các bà con ở các bản mừng. Những bài hát chỉ mặt vạch tên những bọn đã giày xéo lên tình yêu lứa đôi; Răn dạy nét ăn, nét ở sao cho xứng là người mẹ hiền, dâu thảo, khéo thu xếp việc nhà, biết lo toàn việc bản.

KHPL: 398.09 597

42. Văn hóa mẫu hệ qua sử thi Ê Đê/ Buôn Krông Tuyét Nhung .- H.: Văn hóa dân tộc, 2012 .- 335 tr; 21 cm

Chương 1: Văn hóa mẫu hệ Ê Đê trong đời sống tộc người; Chương 2: Văn hóa mẫu hệ Ê Đê qua hệ thống đề tài sử thi; Chương 3: Văn hóa mẫu hệ Ê Đê qua hệ thống nhân vật nữ; Chương 4: Sự tiếp nhận của người Ê đê đối với văn hóa mẫu hệ trong sử thi.

KHPL: 398.09 597

43. Lễ cấp sắc môn phái then nữ phía tây của dân tộc Tày tỉnh Cao Bằng / Nguyễn Thiên Tứ . - H. : Văn hoá dân tộc, 2012. - 578tr. ; 21cm

Giới thiệu một số vấn đề về then, lễ cấp sắc. Trình bày nội dung, vai trò xã hội, bản chất, ý nghĩa và giá trị của lễ kỳ yên giải hạn và lễ cấp sắc Bụt Tày phái nữ ở phía tây tỉnh Cao Bằng

KHPL: 398.09 597 12

44. Văn hóa phi vật thể huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang/ Nguyễn Thu Minh, Trần Văn Lạng, Ngô Văn Trụ (Chủ biên).- H.: Văn hóa dân tộc, 2012.- 647 tr; 21 cm.

Tổng quan văn hóa phi vật thể huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, giới thiệu văn hóa phi vật thể ở 30 làng bản huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

KHPL: 398.09 597 25

45. Tục ngữ và thành ngữ người Thái Mường ở tương đương, Nghệ An/ Trần Trí Dõi, Vi Khăm Mun.- H.: Lao động, 2012 .- 251 tr; 21 cm

Phần thứ nhất: Giới thiệu ngắn về người Thái Mường và chữ Lai Pao; Phần thứ hai: Phần chữ Thái phiên âm tục ngữ, thành ngữ Thái Mường.

KHPL: 398.09 597 42

46. Văn hóa dân gian xứ Nghệ. Tập 4: Hát phường vải và chèo tuồng cổ/ Ninh Viết Giao.- H.: Văn hóa - Thông tin, 2012.- 842 tr; 21 cm.

Nguồn gốc và quá trình phát triển hát phường vải, sưu tập các câu hát phường vải, đôi điều về chèo tuồng cổ xứ Nghệ...

KHPL: 398.09 597 42

47. Sản phẩm ngũ cốc và nghề mắm truyền thống ở Quảng Bình / Nguyễn Văn Tăng . - H. : Văn hoá dân tộc, 2011. – 279 tr ; 21cm

Khái quát về điều kiện tự nhiên để phát triển sản phẩm ngũ cốc ở Quảng Bình, các món ngon được sáng tạo ra từ sản phẩm ngũ cốc, thời vụ gieo trồng và công cụ sản xuất, chế biến ngũ cốc. Giới thiệu đôi nét về điều kiện tự nhiên, hiện trạng nghề cá, các vùng và phương tiện dụng cụ đánh bắt cá, một số nghề mắm truyền đời và cách chế biến các loại mắm ngon.

KHPL: 398.09 597 45

48. Tuồng dân gian Thừa Thiên Huế/ Tôn Thất Bình.- H.: Đại học quốc gia Hà Nội, 2011 .- 736 tr; 21 cm

Giới thiệu tuồng dân gian ở Thừa Thiên Huế: Kịch phẩm cổ điển Việt Nam nghêu sò ốc hén; Tuồng Trương Ngáo; Bình hoài truyện; Trần Bô; Tào Lao, Lược thuật...

KHPL: 398.09 597 49

49. Về tín ngưỡng ở làng nghề vùng bắc Thừa Thiên Huế / Nguyễn Thế. - H. : Văn hoá dân tộc, 2012. - 263tr. ; 21cm

Trình bày tổng quan, đặc điểm và yếu tố hình thành các làng nghề tiêu biểu vùng bắc Thừa Thiên Huế. Giới thiệu một số nét đặc trưng về thiết chế và đời sống tâm linh các làng nghề, đời sống tâm linh và tính cố kết trong cộng đồng cư dân các làng nghề.

KHPL: 398.09 597 49

50. Văn hóa dân gian Hòa Vang/ Võ Văn Hòe.- H.: Dân Trí, 2012.- 792 tr; 21 cm.

Khái quát về huyện Hòa Vang, sinh hoạt hằng ngày, lễ hội, văn học dân gian, văn nghệ dân gian.

KHPL: 398.09 597 51

51. Vài nét về văn hóa làng/ Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam.- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012.- 800 tr; 21 cm.

Giới thiệu về văn hóa làng Bình Định, Kiêu ky làng văn hóa, Địa chí làng Văn La và văn hóa dân gian làng biển Nhượng Bạ.

KHPL: 398.09 597 54

52. Chân dung một làng quê Vân Hòa thưở ấy/ Trần Sĩ Huệ .- H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011 .- 202 tr.

Giới thiệu khái quát về làng Vân Hòa: Tổ chức làng xóm dân cư, đời sống dân chúng, sinh hoạt tinh thần, chuyện xưa tích cũ, các họ và các nhân vật cận thời.

KHPL: 398.09 597 55

53. Những khía cạnh văn hóa dân gian M'Nông Nong/ Đỗ Hồng Kỳ.- H.: Lao động, 2012.- 207 tr; 21 cm.

Giới thiệu về tộc người M'Nông với đời sống văn hóa, đời sống xã hội, văn hóa dân gian M'Nông Nong.

KHPL: 398.09 597 6

VĂN HỌC DÂN GIAN

54. Truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858-1918)/ Võ Phúc Châu. – H.: Thời đại, 2011. - 548tr. ; 21cm

Khảo sát nội dung và nghiên cứu một số nhóm chứng tích văn hoá liên quan đến hệ thống truyền thuyết dân gian về những cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở Nam Bộ (1858-1918). Giới thiệu những tiêu biểu cho diện mạo văn học này.

KHPL: 398.2

55. Phong Slur/ Phương Bằng .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 415 tr.; 21 cm.

Phong slur - tiếng Tày nghĩa là thư tình yêu nên dân tộc nào cũng có, nhưng cái riêng biệt của thư tình yêu Tày là ở chỗ đây là một thể loại văn học riêng chuyên dùng để bày tỏ những nỗi niềm với người bạn đời tương lai của mình với một phong cách riêng thì không phải dân tộc nào cũng có.

KHPL: 398.2 597

56. Tướng quân Phạm Ngũ Lão: Truyện thơ khuyết danh/ Trần Tuấn Doanh .- H.: Lao động, 2011 .- 139 tr; 21 cm.

Giới thiệu về tác phẩm của Phạm Ngũ Lão và những truyện dân gian về tướng quân Phạm Ngũ Lão.

KHPL: 398.2 597

57. Lượn Tày: Lượn tày Lạng Sơn, Lượn Slurong/ Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam.- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012.- 546 tr; 21 cm.

Trình bày 2 phần chính: Giới thiệu về những bài hát lượn của các dân tộc sống ở Cao Bằng và Lượn Slurong của người Tày.

KHPL: 398.2 597 11

58. Lý Thế Khanh (Truyện thơ Nôm Tày)/ Triều Ân, Hoàng Quyết .- H.: Lao động, 2011 .- 217 tr; 21 cm.

Truyện thơ Nôm dân tộc Tày Lý Thế Khanh gồm 2209 dòng là một truyện được lưu truyền rộng rãi trong vùng dân tộc Tày. Truyện có nhiều tình tiết đan xen, hấp dẫn cả về nghệ thuật dựng truyện và kết cấu truyện.

KHPL: 398.2 597 12

59. Thơ ca dân gian người Dao Tuyển/ Trần Hữu Sơn .- H.: Thời Đại, 2011 .- 1252 tr; 21 cm.

Giới thiệu các bài dân ca bằng tiếng Kinh, tiếng Dao; Nghiên cứu, phân loại và giới thiệu các loại hình dân ca, các sinh hoạt diễn xướng liên quan đến dân ca người Dao Tuyển.

KHPL: 398.2 597 167

60. Dân ca người Pu Nả ở Lai Châu/ Lò Văn Chiền .- H.: Văn hóa dân tộc, 2012 .- 255 tr; 21 cm

Chương 1: Khái quát về người Pu nả ở Lai Châu; Chương 2: Đôi nét về dân ca Pu Nả; Chương 3: Dân ca Pu Nả.

KHPL: 398.2 597 173

61. Dân ca Sán Chí ở Kiên Lao - Lục Ngạn - Bắc Giang .- H.: Thời đại, 2012 .- 1202 tr.; 21 cm.

Khái quát về người Sán Chí và dân ca Sán Chí ở Kiên Lao - Lục Ngạn, những bài dân ca Sán Chí ở Kiên Lao

KHPL: 398.2 597 25

62. Văn hóa dân gian xứ Nghệ: Tập 2: Truyện kể dân gian xứ Nghệ/ Ninh Viết Giao .- H.: Văn hóa Thông tin, 2012 .- 951 tr.; 21 cm.

Truyện kể dân gian xứ Nghệ gồm đủ các cụm truyện kể dân gian Việt Nam: thần thoại, huyền thoại, tiên thoại, phật thoại, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, truyện loài vật, truyện về các danh nhân, giai thoại làng nho, giai thoại văn học. Truyện kể của dân tộc Thái, dân tộc Thổ, dân tộc Khơ Mú, dân tộc Hơ Mông.

KHPL: 398.2 597 42

63. Văn hóa dân gian xứ Nghệ: Tập 3: Truyện cười và giai thoại/ Ninh Viết Giao .- H.: Văn hóa Thông tin, 2012 .- 899 tr.; 21 cm.

Giới thiệu truyện cười của người Việt, truyện cười của người Thái, giai thoại xứ Nghệ.

KHPL: 398.2 597 42

64. Thơ ca dân gian của người nguồn/ Võ Xuân Trang, Đinh Thanh Dự .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 203 tr.; 21 cm.

Phần 1: Ca dao; Phần 2: Dân ca; Phần 3: Thành ngữ, tục ngữ, câu đố; Phần 4: Hát sặc bùa - Hát chúc trò.

KHPL: 398.2 597 45

65. Đặc khảo văn học dân gian Thừa Thiên Huế/ Lê Văn Chương .- H.: Văn hóa Thông tin, 2012 .- 467 tr.; 21 cm.

Chương 1: Xứ sở Thừa Thiên Huế; Chương 2: Lịch sử văn học dân gian Thừa Thiên Huế; Chương 3: Đặc trưng truyện dân gian Thừa Thiên Huế; Chương 4: Đặc trưng thơ ca dân gian Thừa Thiên Huế. Ngoài ra phần 2 sưu tuyển truyện dân gian và thơ ca dân gian.

KHPL: 398.2 597 49

66. Nếp sống cổ truyền người Chăm: huyện Vân Canh - tỉnh Bình Định / Nguyễn Xuân Nhân, Đoàn Văn Téo .- H.: Lao động, 2011 .- 264 tr; 21 cm.

Giới thiệu tổng quan về tình hình nghiên cứu văn hóa Chăm và nếp sống cổ truyền của người Chăm Vân Canh. Những giải pháp bảo tồn, phát huy tinh hoa nếp sống cổ truyền của người Chăm Vân Canh.

KHPL: 398.2 597 51

67. Truyện cổ thành Đồ Bàn - Vịnh Thị Nại/ Nguyễn Xuân Nhân .- H.: Thời đại, 2012 .- 288 tr.; 21 cm.

Gồm ba phần, phần thứ nhất là những chuyện kể về thời Chăm-pa, phần thứ hai là những chuyện kể về di dân lập ấp của người Việt qua nhiều thế kỷ vào vùng Đồ Bàn - Thị Nại, chủ yếu là thời Lê Nhân Tông, Lê Thánh Tông cho đến Nguyễn Hoàng và các chúa Nguyễn về sau. Phần thứ ba là những truyện thế sự ra đời sau những năm tháng xây dựng địa bàn cư trú mới dưới thời phong kiến...

KHPL: 398.2 597 54

68. Dyông Dur Hơamon Bahnar .- H.: Thời đại, 2012 .- 497 tr.; 21 cm.

Dyông Dur là một thế giới của thần linh với vị thần tối thượng bok Kei Dei, thần của các vị thần. Hơamon trình bày một hệ thống quan niệm của người Bahnar về thế giới tự nhiên và xã hội, đây là những lớp lang quan hệ tương đối bình đẳng, có người tốt, người xấu, có thần có người...

KHPL: 398.2 597 62

69. Chuyên khảo thơ ca dân gian Trà Vinh/ Trần Dũng .- H.: Thời đại, 2012 .- 277 tr. ; 21 cm.

Thơ ca dân gian Trà Vinh là một bộ phận của thơ ca dân gian Nam bộ, thơ ca dân gian Việt Nam nhưng đó là một bộ phận giàu bản sắc được sáng tạo trong một giai đoạn lịch sử nhiều biến động trên vufngd đất nhiều dân tộc, nhiều tôn giáo...

KHPL: 398.2 597 86

70. Mo Mường: Tập 1/ Bùi Văn Nợi .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 759 tr.; 21 cm.

Phần I: Giới thiệu những nét khái quát về khái niệm, kết cấu của Mo Mường. Phần II: Những nội dung chính với các chủ đề: Tần tịch, áo vào quan, nhìn họ với phần tiếng Mường và tiếng Việt.

KHPL: 398.208 597

71. Sử thi Raglai và M'Nông .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 413 tr.; 21 cm.

Phần I: Dăm Chi Lãng Akhàt Jucar Raglai; Phần II: Mùa rẫy Bon Tiăng - Câu chuyện về đời sống sản xuất và đấu tranh chống thiên tai của dân tộc M'Nông.

KHPL: 398.208 9 597 59

72. Văn hóa gia tộc Raglai góc nhìn từ nghệ nhân/ Hải Liên .- H.: Khoa học Xã hội, 2011 .- 325 tr; 21 cm.

Giới thiệu đôi nét dân cư hai nhánh Raglai Nam - Bắc Tộc họ và gia tộc - Sự tan rã của văn hóa làng. Văn hóa gia tộc - những vành nôi xưa đang lưu giữ những di sản văn hóa còn lại của tộc người.

KHPL: 398.208 959 759

73. Bài ca chàng Đăm Săn : Klei Khan Đăm Săn. Sử thi - khan Êđê / Linh Nga Niêkđăm, Y Khem, Y Wang Mlô Duôn Du. - H. : Văn hoá dân tộc, 2012. - 367tr. ; 21cm

Phần 1: Bài ca chàng đăm sắn; Phần 2: Đăm sắn thời thơ ấu – trường ca Ê đê.

KHPL: 398.209 597

74. Chuyện kể dân gian đất Ninh Hòa/ Ngô Văn Ban, Võ Triều Dương.- H.: Văn hóa thông tin, 2011 .- 325 tr; 21 cm

Giới thiệu khái quát về chuyện kể dân gian trên vùng đất Ninh Hòa

KHPL: 398.209 597

75. Di sản tên Nôm các làng văn hóa dân gian Việt Nam/ Trần Gia Linh.- H.: Dân trí, 2010 .- 391 tr; 21 cm

Phần 1: Tên Nôm các làng văn hóa dân gian Việt Nam, di sản quý báu của dân tộc; Phần 2: Suu tầm và chú giải.

KHPL: 398.209 597

76. Đại thư" - sách dùng trong nghi lễ của người Dao Quần chẹt : Song ngữ Việt – Dao / Hoàng Thị Thu Hương. - H. : Văn hoá dân tộc, 2011. - 411tr. : ảnh ; 21cm

Giới thiệu đôi nét về tên gọi, nguồn gốc dân cư, địa bàn cư trú, môi trường xã hội, hình thái kinh tế, đời sống văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần của người Dao Quần Chẹt ở Yên Bái. Tổng hợp những câu chuyện của người Dao dưới dạng thất ngôn bằng tiếng Dao và tiếng Việt.

KHPL:398.209 597

77. Lễ nghi cuộc đời của người Chăm/ Sử Văn Ngọc .- H.: Văn hóa dân tộc, 2011 .- 375 tr; 21 cm

Chương 1: Đặc điểm chung - cư trú; Chương 2: Đặc điểm làng, dân số, cơ cấu dòng tộc; Chương 3: Đời sống kinh tế, văn hóa, lễ hội; Chương 4: Lễ tục cưới hỏi, hôn nhân, gia đình; Chương 5: Các lễ tục trước, sau khi sinh.

KHPL: 398.209 597

77. 20/ Sử thị M'Nông/ Hội văn nghệ dân gian Việt Nam.- H.: Thanh niên, 2012 .- 971 tr; 21 cm

Giới thiệu về sử thị M'Nông : Leeng kon rung bị bắt cóc bán; Cướp máy kéo chỉ của ndu kon mäch; Tiăng bán tượng gỗ.

KHPL: 398.209 597

78. Tập tục truyền thống của người Bohnar Kriêm/ Yan Danh .- H.: Văn hóa – thông tin, 2012 .-335 tr; 21cm.

Phần 1: Tập tục truyền thống trong gia đình của người Bohnar Kriêm; Phần 2: Lễ đâm trâu mừng chiến thắng của người Bohnar Kriêm; Phần 3: Lễ xa Mosk của người Bohnar Kriêm.

KHPL: 398.209 597

79. Truyện cổ Tà Ôi/ Trần Khánh Phong, Nguyễn Thị Sửu.- H.: Thời đại, 2012.- 375 tr; 21 cm.

Nguồn gốc người Tà Ôi và những câu chuyện cổ như: Chàng Voi, Nàng Cu Pên, Tiếng sáo hạnh phúc, Người đội lột mèo, Sâu môn...

KHPL: 398.209 597

80. Văn học dân gian người Việt góc nhìn thể loại/ Kiều Thu Hoạch .-H.: Lao động, 2012 .- 908 tr; 21cm.

Khái quát những vấn đề cơ bản của văn học dân gian và nghiên cứu một số thể loại tiêu biểu, đặc sắc bao gồm: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, vè, câu đố, tục ngữ, ca dao, chèo...

KHPL: 398.209 597

81. Văn hóa làng Gò Bồi/ Nguyễn Phúc Liêm .- H.: Lao động, 2011 .- 324 tr; 21 cm.

Giới thiệu thị trấn, địa danh vùng Gò Bồi; Đình chùa, lăng miếu và lễ tục; Nhà mái lá nét đặc trưng về xây dựng và văn hóa; Một số loại hình nghệ thuật dân gian và sinh hoạt trên sông xưa ở Gò Bồi.

KHPL: 398.209 597

82. Truyện cổ các dân tộc phía Bắc Việt Nam/ Mùa A Tủa, Lê Trung Vũ, Phan Kiến Giang, Tăng Kim Ngân.- H.: Văn hóa dân tộc, 2012.- 674 tr; 21 cm.

Bao gồm truyện cổ Mông, truyện cổ Pu Péo, truyện cổ Khơ Mú, truyện cổ Mường, Thái, Tày, Mảng, Cao Lan, Nùng, Hà Nhi.

KHPL: 398.209 597 1

83. Thiên tình sử dân tộc Mông Đú và đồng dao dân tộc Tày/ Hoàng Thị Cành, Hoàng Thị Thoa.- H.: Văn hóa - Thông tin, 2012.- 190 tr; 21 cm

Giới thiệu thiên tình sử dân tộc Mông Đú, Hán Sòng, Phé Lịa, đồng dao dân tộc Tày.

KHPL: 398.209 597 12

84. Truyện dân gian Tày - Nùng Cao Bằng/ Nguyễn Thiên Tứ, Hoàng Thị Nhuận, Nông Vĩnh Tuân, Hoàng Ngọc Bích, Hoàng Anh Minh.- H.: Thanh Niên, 2012.- 279 tr; 21 cm

Giới thiệu những mẫu truyện dân gian vô cùng phong phú. Ngoài ý nghĩa về văn hóa, lịch sử, những câu chuyện luôn hướng con người biết sống theo lẽ phải, biết trước biết sau, biết tôn trọng và yêu thương giữa các dân tộc trong cộng đồng.

KHPL: 398.209 597 12

85. Truyện thơ người Dao Khâu ở Sìn Hồ - Lai Châu/ Tấn Kim Phu.- H.: Văn hóa - Thông Tin, 2012.- 403 tr; 21 cm.

Người Dao Khâu trong cộng đồng các dân tộc Việt, giới thiệu một số truyện thơ của người Dao Khâu như : Phiêu dương quá hải ca, Truyện khai trung nghĩa, Bài ca Cô Nhị Nương...

KHPL: 398.209 597 173

86. Địa chí huyện Quảng Ninh tỉnh Quảng Bình/ Đỗ Duy Văn .- H.: Dân trí, 2011 .- 567 tr; 21 cm.

Giới thiệu về địa lý tự nhiên; Những nét khái lược về các xã, thị trấn; Làng xã Quảng Ninh xưa; Các di tích huyện Quảng Ninh; Văn hóa sinh hoạt và đời sống làng xã; Văn hóa - văn nghệ dân gian; Tôn giáo - tín ngưỡng; Lao động - nghề nghiệp.

KHPL: 398.209 597 29

87. Truyện dân gian Kim Bảng: Tập 1 / Lê Hữu Bách. - H. : Dân trí, 2011 .- 414 tr; 21cm

Tổng quan về truyện dân gian Kim Bảng; Quy ước biên khảo; Tuyển chọn các truyện kể; Chùm truyền thuyết về lịch sử và địa danh về nữ tướng Lê Chân.

KHPL: 398.209 597 37

88. Truyện dân gian Kim Bảng: Tập 2/ Lê Hữu Bách .- H.: Dân trí, 2011 .- 425 tr; 21 cm.

Cuốn sách tuyển chọn các truyện kể: Sự tích hang Bà cô ở Laytj Sơn; Sự tích Bà Văn ở Vân Châu; Sự tích Đỉnh Thiên Hoàng ở làng Đặng Xá; Đề Yêm với Phật, Thần ở chùa Tam Giáo; Vợ nọ chồng kia; Vì sao có suối ngang ở Ba Sao; Sự tích Ngọc nương công chúa ở Ngọc Xá...

KHPL: 398.209.597 37

89. Địa chí văn hóa dân gian Ninh Bình/ Trương Đình Tường.- H.: Thời đại, 2010.- 1155 tr.; 21 cm

Giới thiệu thiên nhiên, con người, xã hội, lịch sử Ninh Bình, các đơn vị hành chính trực thuộc Ninh Bình, tri thức dân gian, truyện kể dân gian, ca dao tục ngữ và nghệ thuật hát

dân ca, trò chơi và sinh hoạt văn hóa dân gian, dân tộc Mường và văn hóa dân gian Mường ở Ninh Bình..

KHPL: 398.209 597 39

90. Địa chí văn hóa dân gian làng Phong Lệ/ Võ Văn Hòe.- H.: Thanh niên, 2012.- 464 tr; 21 cm.

Làng Phong Lệ từ khi thành lập là vùng đất rộng lớn có đủ các dạng hình núi đồi, trung du, đồng bằng, gò đống dài từ chân núi Phước Tường và núi đất Phong Lệ xuống một vùng bằng phẳng đến tận Hóa Khuê - Ngũ Hành Sơn...

KHPL: 398.209 597 51

91. Truyện cổ, truyện dân gian Phú Yên/ Ngô Sao Kim .- H.: Lao động, 2011 .- 482 tr; 21 cm

Giới thiệu đôi nét về truyện cổ, truyện dân gian Phú Yên, về các loại truyện cổ, truyện dân gian sưu tầm với các thể loại: truyện cổ, truyền thuyết, huyền thoại, ngụ ngôn, truyện cười.

KHPL: 398.209 597 55

92. Chàng Mutui Amã/ Trần Vũ.- H.: Thanh Niên, 2012.- 521 tr; 21 cm.

Dã Mutui Amã là câu chuyện kể về một mẫu người Raglai với tính cách anh hùng, dũng cảm, gan dạ, trung thực, trung hiếu. Trong gia đình thì hiếu thảo, ngoài xã hội thì gan dạ, liều thân trừ gian, diệt bạo, cứu khốn, giúp cho nước nhà hưng thịnh, yên vui.

KHPL: 398.209 597 56

93. Non nước xứ Đồng Hương/ Nguyễn Viết Trung .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2011 .- 391 tr; 21 cm.

Giới thiệu lịch sử hình thành, đặc điểm kinh tế, văn hóa vật thể, ẩm thực, phong tục - tín ngưỡng - lễ hội; Ca dao, dân ca xứ Đồng Hương; Truyện kể xứ đồng hương sự tích; Trò chơi dân gian xứ Đồng Hương.

KHPL: 398.209 597 56

94. Truyện cổ các dân tộc Tây Nguyên.- H.: Văn hóa dân tộc, 2012.- 659 tr; 21 cm.

Giới thiệu những câu truyện cổ Gia Rai (Chàng Lít; Chàng Niễn; Thỏ và Pơ Tao Rơ.), truyện cổ ÊĐê (Sự tích người ÊĐê lên sống trên mặt đất; Nàng Ngo và chàng Rít; Bảy anh em trai và nàng A rế.), truyện cổ M'Nông (Nàng Hoa, Sự tích con chó; Chặt đầu Lân...), truyện cổ Ba Na Khiêm (Con thỏ, Anh chàng giữ rẫy; Người qua cầu khi...)

KHPL: 398.209 597 6

95. Nhóm sử thi Giông Bahnar/ Phan Thị Hồng.- H.: Lao động, 2012.- 479 tr; 21 cm.

Giới thiệu đặc điểm nhóm sử thi dân tộc Bahnar và một số truyện cổ tích và sử thi Bahnar.

KHPL: 398.209 597 61

96. Địa danh chí An Giang xưa và nay/ Nguyễn Hữu Hiệp .- H.: Thời đại, 2012 .- 232 tr.; 21 cm.

Giới thiệu vị trí địa bàn vùng đất An Giang qua một số mốc lịch sử tiêu biểu; Sự hình thành các địa danh ở An Giang; Những dấu mốc lịch sử liên quan đến một số địa danh buổi sơ thời ở An Giang; Địa danh ở An Giang qua các thời kỳ; Một số loại địa danh khác.

KHPL: 398.209 597 91

97. Văn học dân gian Sóc Trăng .- H.: Văn hóa thông tin, 2012 .- 839 tr; 21 cm

Giới thiệu về những giá trị của văn học dân gian Sóc Trăng với các thể loại: truyện dân gian, thành ngữ, tục ngữ, câu đố, vè.....

KHPL: 398.209 597 99

98. Truyện các nữ thần Việt Nam/ Đỗ Thị Hảo, Mai Thị Ngọc Chúc .- H.: Văn hóa - Thông tin, 2012 .- 203 tr.; 21 cm.

Nhắc lại sự tích các nữ thần: Nữ thần mặt trời và mặt trăng, nữ thần lửa, nữ thần núi, nữ thần nghề mộc, Bà Triệu, Xuân Nương, Nàng Han, Bà Bảo Ngủ...

KHPL: 398.22 597

99. Sự tích các bà thành hoàng làng/ PTS. Đỗ Thị Hảo .- H.: Văn hóa - Thông tin, 2012 .- 389 tr.; 21 cm.

Giới thiệu sự tích các bà thành hoàng trong kho tàng thần tích như: Ả Dung Nương, Ả Doanh (Tô), Ả Đào, Ả Đê (Ả Quách), Ả Lả (Lã), Ả Lả Nàng Đê, Ả Lan Nương, Ả Nang (Vương), Ả Nàng Nhập Nội công chúa, Ả Nương, Ả Nương Quỳnh Trân công chúa, Ả Quán, An Nương, Bạch Hoa công chúa, Bạch Hoa nương, Bạch Ngọc thánh mẫu công chúa, Bảo Nương, Đào Nương công chúa....

KHPL: 398.22 597

100. Thủy sản sông Cửu Long qua huyền thoại - truyền huyết/ Liêm Châu .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2011 .- 279 tr; 21 cm.

Giới thiệu những loại thủy sản ở sông Cửu Long qua huyền thoại truyền thuyết như: Hai nguồn thủy sản; Cá đồng bằng; Cá bóng đi tu; Các lóc; Hận thù truyền kiếp; Con hén cò không lồ; Cá uống thuốc mọc râu; Cá nóc no; Câu hát - Phương ngôn về thủy sản..

KHPL: 398.26 597 8

101. Truyện cổ dân gian Việt nam tuyển chọn/ Hoàng Quyết.- H.: Văn hóa Thông tin, 2012.- 1167 tr; 21 cm.

Giới thiệu những câu truyện cổ dân gian Việt Nam.

KHPL: 398.27 597

102. Nghi lễ trong việc cưới - việc tang của người Dao Khâu (ở Sìn Hồ, Lai Châu)/ Tấn Kim Phú .- H.: Văn hóa - Thông tin, 2011 .- 255 tr; 21 cm.

Phần 1: Vài nét về người dao; Phần 2: Lễ cưới của người Dao Khâu ở Sìn Hồ, Lai Châu; Phần 3: Lễ tang của người dao khâu ở Sìn Hồ, Lai Châu.

KHPL: 392.5 597 173

103. Văn hóa – xã hội Bình Định/ Đinh Bá Hòa .- H.: Văn hóa thông tin, 2012 .- 302 tr; 21 cm

Chương 1: Văn hóa ẩm thực; Chương 2: Nhà ở và tiện nghi; Chương 3: Trang phục; Chương 4: Sinh hoạt văn hóa dân gian; Chương 5: Phong tục tập quán; Chương 6: Tín ngưỡng, tôn giáo.

KHPL: 398.507 54

104. Thành ngữ, tục ngữ, câu đố các dân tộc Thái, Giáy, Dao/ Hội văn nghệ dân gian Việt Nam.- H.: Văn hóa dân tộc, 2012.- 489 tr; 21 cm

Giới thiệu thành ngữ, tục ngữ, dân tộc Thái; Tục ngữ Giáy; Câu đố, tục ngữ, thành ngữ dân tộc Dao.

KHPL: 398.6 597

VĂN HỌC DÂN GIAN CÂU ĐỐ - VÈ VÀ TRÒ CHƠI HÒ VÈ

105. Ví giao duyên nam nữ đối ca/ Nguyễn Khắc Xương.- H.: Thời đại, 2012.- 538 tr; 21 cm.

Giới thiệu ví giao duyên và các bài ví giao duyên nam nữ.

KHPL: 398.8

106. Bài chòi xứ Quảng/ Đinh Thụ Hựu, Trương Đình Quang .- H.: Lao động, 2012 .- 277 tr.; 21 cm.

Trình bày nguồn gốc và quá trình phát triển của bài chòi, hình thức sinh hoạt văn nghệ dân gian độc đáo của bài chòi, một số đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của lời ca bài chòi

KHPL: 398.8 597

107. Trò chơi dân gian .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 471 tr.; 21 cm.

Giới thiệu một số trò chơi dân gian dành cho trẻ em như: Oẳn tù tì, dung dăng dung dẻ, cướp cờ, ô ăn quan, rồng rắn lên mây, chõ thuyên, rĩa gianh, đánh khăng và nhảy dây.

KHPL: 398.8 597

108. Hát trống quân và vở chèo Lưu Bình - Dương Lễ/ Trần Việt Ngữ .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 463 tr.; 21 cm.

Giới thiệu về hát trống quân, về vở chèo cổ Lưu Bình - Dương Lễ, mấy dạng bản trò Lưu Bình Dương Lễ.

KHPL: 398.8 597

109. Cấu trúc dân ca người Việt/ Huyền Nga .- H.: Lao động, 2012 .- 389 tr.; 21 cm.

Trình bày khái niệm và tiêu chí phân tích dân ca, đời sống xã hội - sự khởi nguồn của dân ca, lời ca trong mối quan hệ qua lại với cấu trúc dân ca, các dạng cấu trúc chính trong dân ca người Việt.

KHPL: 398.8 597

110. Ca thư: Những câu hát của người Sán Chay/ Đỗ Thị Hảo .- H.: Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011 .- 600 tr; 21 cm.

Cuốn sách sưu tầm và chép lại những câu hát đối đáp của nam nữ (tựa như những câu hát giao duyên của người Kinh).

KHPL: 398.8 597

111. Hát bả trạo - Hồ đưa linh/ Trương Đình Quang, Thy Thảo Trương Duy Hy .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2011 .- 335 tr; 21 CM.

Giới thiệu về nguồn gốc hát bả trạo; Sự khác biệt giữa hát bả trạo với hát chèo; Nghi lễ buổi hát bả trạo; Âm linh trạo ca nhưt khúc; Long thần bả trạo ca; Chèo bả trạo tam quân - Bồng sơn.

KHPL: 398.8 597

112. Tìm hiểu dân ca quan họ/ Trần Linh Quý, Hồng Thao .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012 .- 343 tr.; 21 cm.

Quê hương, lễ lối, phong tục nguồn gốc quan họ. Các lối hát quan họ (đối đáp, hát canh, hát hội, hát thờ...). Phong tục trong giao du quan họ, tên gọi nguồn gốc quan họ. Đặc trưng của lời ca và giá trị nghệ thuật của lời ca quan họ.

KHPL: 398.8 597

113. Ca dao, vè và múa rối nước ở Hải Dương/ Nguyễn Hữu Phách, Lê Thị Dự , Nguyễn Thị Ánh.- H.: Thanh niên, 2011 .- 222 tr; 21 cm

Tuyển chọn một số bài ca dao, vè chủ yếu do sưu tầm, phản ánh khá chân thực về đời sống của nhân dân lao động trong xã hội cũ. Nhiều bài là những bức tranh sống động: đi mót, đi cấy bấc, đi làm phu, đi tuyển lính bị trượt.....cũng có bài nói về nhân tình thế thái, giáo huấn và tu tỉnh con người hướng tới cái thiện. Dựng lại quá trình hình thành và duy trì của ba phường múa rối nước, nằm trong bức tranh toàn cảnh về múa rối nước vùng châu thổ sông Hồng.

KHPL: 398.8 597 34

114. Văn hóa dân gian xứ Nghệ. Tập 8: Về nghề nghiệp/ Ninh Viết Giao.- H.: Văn hóa - Thông tin, 2012.- 575 tr; 21 cm.

Những bài về nói về kẻ sĩ, những bài về nói về nghề nông, nghề thủ công, nghề buôn bán, nghề rừng, nghề biển.

KHPL: 398.8 597 42

115. Văn hóa dân gian xứ Nghệ. Tập 9: Về tình yêu trai gái/ Ninh Viết Giao.- H.: Văn hóa thông tin, 2012.- 559 tr; 21 cm.

Với 155 bài về nói về tình yêu trai gái, giúp ta hiểu thêm về thế giới nội tâm của trai gái Nghệ Tĩnh, những suy nghĩ, cảm xúc, những phản ứng trước các thế lực xã hội để bảo vệ hạnh phúc lứa đôi.

KHPL: 398.8 597 42

116. Khắp sứ lam của người Thái đen xã Noong Luông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên/ Tông Văn Hân .- H.: Thời đại, 2012 .- 482 tr.; 21 cm.

Trình bày những nét văn hóa cơ bản trong tiến trình kết hôn, những nét văn hóa đặc sắc của khắp sứ lam (hát chào hỏi, hát đối đáp tán tỉnh giữa trai và gái, hát đố, hát tổ chức cưới).

KHPL: 398.8 597 177

117. Văn hóa dân gian xứ Nghệ: Tập 1: Ca dao và đồng dao/ Ninh Viết Giao .- H.: Văn hóa Thông tin, 2012 .- 1011 tr.; 21 cm.

Khái quát về ca dao và đồng dao: về ca dao của người Việt ở Nghệ Tĩnh, về ca dao của dân tộc Thái ở Nghệ An, về đồng dao của người Việt và người Thái ở Nghệ Tĩnh. Sưu tầm ca dao và đồng dao xứ Nghệ và giới thiệu một số bài đồng dao của dân tộc Thái ở Nghệ An.

KHPL: 398.8 597 42

118. Văn hóa dân gian xứ Nghệ: Tập 11: Về nói về việc làng, việc xã và quan viên chức sắc trong làng xã/ Ninh Viết Giao .- H.: Văn hóa - Thông tin, 2011 .- 631 tr.; 21 cm.

Giới thiệu những bài về nói về việc làng việc xã và quan viên chức sắc, hương lý, làm đình, làm đền, làm chùa, bắc cầu, cưới chợ, đắp đập, đào giếng; Những bài về nói về kiện cáo giữa hai phe hào và phe hộ giữa làng nọ với làng kia trong xã.

KHPL: 398.859 742

119. Văn hóa dân gian xứ Nghệ: Tập 13: Về đấu tranh trong làng xã/ Ninh Viết Giao .- H.: Văn hóa Thông tin, 2012 .- 609 tr.; 21 cm.

Giới thiệu những bài về nói về tết nhất, hội hè, giỗ chạp, ma chay, những bài về châm biếm, phê phán thói hư tật xấu trong xã hội cũ. Một số truyện nôm lưu hành ở xứ Nghệ có nguồn gốc từ vè hoặc sáng tác theo thể vè.

KHPL: 398.8 597 42

120. Ca dao - Dân ca - Vè - Câu đố huyện Ninh Hòa tỉnh Khánh Hòa/ Trần Việt Kính .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2011 .- 479 tr.; 21 cm.

Gồm 4 phần: Phần 1: Ca dao; Phần 2: Dân ca; Phần 3: Vè; Phần 4; Câu đố.

KHPL: 398.859 756

121. Dân tộc Sán Chay ở Việt Nam/ Khổng Diễn, Trần Bình .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2011 .- 374 tr.; 21 cm.

Chương 1: Điều kiện tự nhiên dân cư và dân số; Chương 2: Đời sống kinh tế; Chương 3: Tổ chức xã hội; Chương 3: Văn hóa vật chất; Chương 5: Văn hóa tinh thần.

KHPL: 398.8 597 91

122. Bước đầu tìm hiểu tác giả và tác phẩm cổ nhạc Bạc Liêu/ Trần Phước Thuận .- H.: Thanh niên, 2012 .- 446 tr.; 21 cm.

Phần I: Tác giả cổ nhạc Bạc Liêu; Phần II: Các bản cổ nhạc truyền thống; Phần III: Các bản cổ nhạc được sáng tác ở Bạc Liêu; Phần IV: Các vấn đề liên quan đến tác giả và tác phẩm cổ nhạc Bạc Liêu.

KHPL: 398.8 597 97

123. Trường ca các dân tộc Bana, Êđê, Hrê/ Ka Sô Liêng, Nguyễn Văn Giai .- H.: Văn hóa dân tộc, 2012 .- 663 tr; 21 cm

Phần 1: Trường ca xinh chi ôn; Phần 2: Chi lơ kok; Phần 3: Đham ta yoong.

KHPL: 398.809 597

124. Trường ca Chăm = Ariya Cam / Inrasara. - H : Thời đại , 2011.- 514 tr; 21cm

Giới thiệu ngôn ngữ và tình trạng văn bản; Văn chương Chăm; Vị trí của bốn Ariya trong văn chương Chăm.

KHPL: 398.809 597

125. Trường ca Giàng Hlăh xấu bụng : Dân tộc Chăm ở Phú Yên / Ka Sô Liêng . - H. : Văn hoá dân tộc, 2012. - 767tr. ; 21cm

Nói lên sự độc ác của giàng xấu bụng chuyên tìm cách làm hại người hiền người yếu, ăn hiếp người nghèo khổ. Giàng Hlăh bắt hai đứa con gái vợ chồng Mơ Kriu đem cho ông bà Mơ Nhi. Mơ Kriu thương con kêu khóc...

KHPL: 398.809 597 55

126. Văn học dân gian Phú Yên/ Nguyễn Định, Dương Thái Nhơn, Lý Thơ Phúc.- H.: Lao động, 2012.- 655 tr; 21 cm

Cách hiểu một số khái niệm liên quan đến đề tài, khái quát về vùng đất, con người và văn hóa Phú Yên; Truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười và truyện ngụ ngôn của người Việt ở Phú Yên; Ca dao, tục ngữ, câu đố, vè và sân khấu dân gian của người Việt ở Phú Yên; Văn học dân gian các dân tộc thiểu số ở Phú Yên...

KHPL: 398.809 597 55

127. Sử thi Ê đê/ Hội văn nghệ dân gian Việt Nam .- H.: Văn hóa dân tộc, 2011 .- 527 tr; 21cm

Phần 1: Kđăm Đroăl; Phần 2: Y'khing Ju – H'bia Ju Yao.

KHPL: 398.899

128. Các làn điệu dân ca Raglai: Manhĩ Siri Adoh Raglai/ Chamaliaq Riya Tierng, Trần Kiên Hoàng .H.: Thanh niên, 2012.- 562 tr; 21cm

Giới thiệu các làn điệu dân ca Raglai: Cúng lên đồng Raglai; Lý chiếc hộp; làn điệu đình; Ru cọp...

KHPL: 398.899 597

129. Văn học dân gian Ê Đê, Mơ Nông/ Đỗ Hồng Kỳ.-H.: Lao động, 2011 .-385 tr; 21 cm

Phần 1: Đại cương về tộc người Ê Đê, Mơ Nông; Phần 2: Văn học dân gian Ê Đê, Mơ Nông

KHPL: 398.899 597

VĂN HỌC DÂN GIAN – TỤC NGỮ

130. Lịn Thại : Hát giao duyên của người Nùng / Dương Sách. - H. : Văn hoá dân tộc, 2011. – 614 tr. ; 21cm

Văn hóa dân gian người Nùng rất phong phú về nội dung và thể loại, trong kho tàng ấy dân ca là một mảng giữ vị trí trung tâm. Nói về dân ca thì không thể không nhắc tới Lịn thại đó là những khúc ca được thanh niên nam nữ Nùng Inh mê say nhất.

KHPL: 398.9

131. Dân ca Gia Rai: Song ngữ Gia Rai – Việt/ Nguyễn Quang Tuệ.- H.: Văn hóa dân tộc, 2012.- 342 tr; 21 cm

Giới thiệu những làn điệu dân ca Gia Rai.

KHPL: 398.9 597

132. So sánh và ẩn dụ trong ca dao trữ tình của người Việt (Dưới góc nhìn ngôn ngữ - văn hóa học) / Hoàng Kim Ngọc .- H.: Lao động, 2011 .- 374 tr; 21 cm.

Giới thiệu cơ sở lý thuyết cho việc nghiên cứu so sánh và ẩn dụ trong ca dao trữ tình người Việt; So sánh trong ca dao trữ tình của người Việt; Ẩn dụ trong so sánh ca dao trữ tình người Việt; Trầm tích văn hóa - ngôn ngữ qua so sánh và ẩn dụ trong ca dao trữ tình của người Việt.

KHPL: 398.9 597

NGÔN NGỮ

133. Tiếng Việt trong thư tịch cổ Việt Nam: Tập 1: Quyển 1: Từ vần A – K/ Nguyễn Thạch Giang .- H.: Văn hóa thông tin, 2010 .- 920 tr; 21cm

Tập hợp những từ ngữ có mang một nội dung văn hoá, một sắc thái tu từ nhất định, thông dụng trong các áng văn thời trước như: điển cố, tục ngữ, thành ngữ...

KHPL: 495.922

134. Tiếng Việt trong thư tịch cổ Việt Nam: Tập 2: Quyển 2: Từ vần L – Y/ Nguyễn Thạch Giang .- H.: Văn hóa - Thông tin, 2012 .- 1044 tr.; 21 cm.

Giới thiệu phần từ điển từ L - Y, sách dẫn, bảng kê những chữ Hán đã phiên âm dẫn trong các mục từ của "Tiếng Việt trong thư tịch cổ Việt Nam".

KHPL: 495.922

ẨM THỰC

135. Mắm Prồ hóc & những món ăn chế biến từ mắm Prồhóc/ Trần Dũng.- H.: Khoa học xã hội, 2012.- 164 tr; 21 cm

Khái quát về người Khmer và văn hóa người Khmer ở Trà Vinh, mắm Prồhóc và vai trò mắm Prồhóc trong đời sống người Khmer Trà Vinh, một số món ăn đặc trưng chế biến từ mắm Prồhóc, bảo tồn và phát huy mắm Prồhóc như một bản sắc văn hóa khmer Trà Vinh & ứng dụng nó trong quảng bá, khai thác du lịch.

KHPL: 641.5 597

136. Văn hóa ẩm thực dân gian/ Lò Ngọc Duyên, Đỗ Văn Duy, Đoàn Việt Hùng, Lê Quang Nghiêm, Nguyễn Hữu Hiệp.- H.: Văn hóa dân tộc, 2012.- 728 tr; 21 cm.

Văn hóa ẩm thực dân tộc Thái Đen, Mường Thanh - Điện Biên Phủ, văn hóa ẩm thực Quảng Bình, hương vị đồng quê Phú Yên, rượu và nghề nấu rượu ở Khánh Hòa, văn hóa ẩm thực ở An Giang..

KHPL: 641.5 597

137. Ẩm thực Thăng Long Hà Nội/ Đỗ Thị Hảo.- H.: Văn hóa - Thông tin, 2012.- 415 tr; 21 cm

Với tài khéo léo, người Hà Nội đã chế biến và sáng tạo ra nhiều món ăn thật phong phú. Chỉ riêng về cỗ đã có nhiều loại với các cách thức khác nhau: Cỗ giỗ Thành Hoàng và Tổ nghề, mâm cỗ ngày Tết, cỗ giết sâu bọ, mâm cỗ Đom...

KHPL: 641.59 597 31

CÔNG NGHỆ ĐỒ GÓM VÀ LÀNG NGHỀ

138. Văn hóa góm của người Việt vùng đồng bằng sông Hồng/ Trương Minh Hằng.- H.: Lao động, 2012.- 412 tr; 21 cm.

Đồ góm trong bối cảnh tự nhiên và xã hội vùng đồng bằng sông Hồng, phát thảo diện mạo một số làng góm thủ công vùng đồng bằng sông Hồng, quá trình sáng tạo góm, góm trong đời sống...

KHPL: 666.09 597 3

139. Nghề cổ truyền/ Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam.- H.: Thời đại, 2012.- 403 tr; 21 cm

Giới thiệu lịch sử phát triển, thành tựu và vai trò của làng nghề truyền thống với những tinh thần và hoạt động sản xuất của con người với 36 nghề cơ bản.

KHPL: 680.09 597

140. Nghề truyền thống ở một số địa phương/ Trần Hùng, Lương Song Toàn, Nguyễn Chí Trung, Nguyễn Quốc Văn.- H.: Văn hóa dân tộc, 2012.- 479 tr; 21 cm.

Nghề rèn đúc - chạm khắc bạc của người H'Mông Hoa Bắc hà - Lào Cai, kỹ thuật rèn - đúc, chế tác nông cụ, đồ dùng gia đình và nhạc cụ truyền thống của dân tộc Mông xã Pà Cò, huyện Mai Châu, Hòa Bình, công cụ đánh bắt sông nước truyền thống ở Hội An, một số nghề thủ công mỹ nghệ ở Kiên Giang.

KHPL: 680.09 597

141. Nghề cổ nước Việt / Vũ Từ Trang. - H. : Văn hoá dân tộc, 2012. - 286tr. : ảnh ; 21cm

Giới thiệu về lịch sử hình thành và phát triển của các nghề thủ công truyền thống ở nước ta như nghề góm, nghề rèn, nghề đúc đồng, nghề chạm bạc, chạm vàng, nghề làm cà vừ...

KHPL: 680.09 597

142. Nghề thủ công truyền thống của người Nùng ở Việt Nam/ Nguyễn Thị Thúy .- H.: Thời đại, 2011 .- 342 tr; 21 cm.

Chương 1: Đặc điểm tự nhiên và xã hội của người Nùng ở Việt Nam; Chương 2: Nghề thủ công truyền thống của người Nùng; Chương 3: Giá trị văn hóa nghề thủ công truyền thống của người Nùng và việc bảo tồn, phát huy trong cuộc sống hiện nay.

KHPL: 680.09 597

143. Nghề và làng nghề truyền thống đất Quảng/ Võ Văn Hòe, Hoàng Hương Việt, Bùi Văn Tiếng .- H.: Văn hóa – thông tin, 2012 .- 837 tr; 21 cm.

Phần 1: Giới thiệu tổng quan về nghề và làng nghề truyền thống đất Quảng. Phần 2: Nghề và làng nghề truyền thống đất Quảng.

KHPL: 680.09 597 52

144. Nghề truyền thống ở Hội An/ Trần Văn An.- H.: Văn hóa - Thông tin, 2012.- 264 tr; 21 cm.

Khát quát về nghề truyền thống ở Hội An, một số nghề truyền thống ở Hội An.

KHPL: 680.09 597 52

145. Phú Xuyên và làng khảm trai truyền thống Chuôn Ngọ/ Đỗ Thị Hào.- H.: Lao Động, 2012.- 367 tr; 21 cm.

Giới thiệu về địa lý và lịch sử dân tộc, cách thức làm ăn ở Phú Xuyên; Làng khảm trai truyền thống Chuôn Ngọ.

KHPL: 680.09 597 52

146. Quy trình dựng nhà sàn cổ của người Thái đen ở Mường Thanh (Tỉnh Điện Biên)/ Tông Văn Hân .- H.: Văn hóa Dân tộc, 2011 .- 367 tr; 21 cm.

Gồm 5 phần: Phần 1: Chuẩn bị nguyên vật liệu; Phần 2: Dựng nhà; Phần 3: Lên nhà mới; Phần 4: Âm thực - văn nghệ trong ngày lên nhà mới; Phần 5: Sắp xếp sinh hoạt.

KHPL: 690.597 177

ÂM NHẠC

147. Âm nhạc Chăm những giá trị đặc trưng/ Văn Thu Bích.- H.: Văn hóa - Thông tin, 2010.- 191 tr; 21 cm

Giới thiệu vài nét về nguồn gốc dân tộc người và văn hóa xã hội Chăm, các hình thái âm nhạc Chăm, Âm nhạc trong đời sống tinh thần của người Chăm.

KHPL: 781.620 09

148. Âm nhạc dân gian một số dân tộc thiểu số phía Bắc Việt Nam/ Nông Thị Ninh, Hồng Thao.- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012.- 687 tr; 21 cm

Trình bày đôi nét về âm nhạc dân gian các dân tộc Tày- Nùng - Dao Lạng Sơn; Nét chung và riêng của âm nhạc trong diễn xướng Then Tày - Nùng; Âm nhạc Dân tộc H'Mông.

KHPL: 781.620 09

149 Âm nhạc dân gian dân tộc Ê Đê Kpă và Jrai/ Lý Vân Linh Niê Kdam, Lê Xuân Hoan.- H.: Văn hóa Dân tộc, 2012.- 419 tr; 21 cm

Trình bày nhạc cụ cổ truyền của người dân tộc Ê Đê Kpă và một số đặc trưng cơ bản của âm nhạc Jrai.

KHPL: 781.620 09

LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ

150. Những vấn đề thi pháp văn học dân gian/ Nguyễn Xuân Đức .- H.: Thanh niên, 2011 .- 298 tr; 21 cm.

Gồm 3 phần: Phần 1: Thần thoại - Truyền thuyết - Cổ tích; Phần 2: Tục ngữ - ca dao; Phần 3: Văn học dân gian trong nhà trường.

KHPL: 808.597

151. Từ điển địa danh Sài Gòn - Thành phố Hồ Chí Minh/ Lê Trung Hoa, Nguyễn Đình Tư .- H.: Thời đại, 2011 .- 720 tr; 21 cm.

Cuốn sách giới thiệu 1500 địa danh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

KHPL: 910.3

152. Địa danh Yên Bái sơ khảo/ Hoàng Việt Quân .-H.: Lao động, 2012 .- 359 tr; 21 cm
Giới thiệu xuất xứ lịch sử và sự tích văn hoá dân gian các địa danh ở Yên Bái, nguồn gốc tên gọi các địa danh ở Trấn Yên, Văn Yên, Yên Bình, Lục Yên, Văn Chấn, Mường Lò - Nghĩa Lộ, Trạm Tấu, Mù Cang Chải...

KHPL: 915.97157

153. Lịch sử Việt Nam: Tập VII: Từ 1954 đến 1975/ PGS. TS. Trần Bá Đệ, PGS. TS. Lê Cung .- H.: Đại học Sư phạm, 2012 .- 338 tr.; 21 cm.

Chương I: Miền Bắc đấu tranh chống Mĩ - Diệt cường ép đồng bào di cư, hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất. miền Nam đấu tranh chống chế độ Mĩ - Diệm, gìn giữ hòa bình (1954 - 1960); Chương II: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mĩ ở miền Nam (1961 - 1965); Chương III: Chiến đấu chống chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2 của đế quốc Mĩ (1969 - 1973)....

KHPL: 959.704 3

